TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T T **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15-02-2022
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đ V H.

Các *Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà C T H C;

2. Bà T T N P.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông T V Q - thư ký Tòa án nhân dân huyện T T.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T T tham gia phiên tòa*:** bà Bùi Thị Thái Hòa– Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021 về việc " Tranh chấp ly hôn, nuôi con " theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Diễm Th, sinh năm 1986. Địa chỉ: Tổ 1 khóm 3, thị trấn Tri Tôn, tỉnh An Giang, có mặt;

- *Bị đơn*: Ông Lâm Văn S, sinh năm 1975. Địa chỉ: Tổ 1 khóm 3, thị trấn Tri Tôn, tỉnh An Giang, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diễm Th trình bày:

Về hôn nhân: Bà và và ông Lâm Văn S qua tìm hiểu và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới năm 2003, đến năm 2008 thì đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn Tri Tôn, huyện T T, sau khi cưới thì vợ chồng sống tại khóm 3, thị trấn Tri Tôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, nhưng đến năm 2019 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do ông S ghen tuông, thường

xuyên đánh đập bà Th. Nhận thấy không thể nào tiếp tục chung sống được nên bà xin được ly hôn với ông Lâm Văn S.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lâm Thị Th A, sinh ngày 05/5/2005 và Lâm Trung Kh, sinh ngày 04/3/2008. Bà Th yêu cầu được nuôi hai con chung khi ly hôn, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thoả thuận không yêu cầu toà án giải quyết

Về nợ chung: không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết, cũng như tại phiên tòa ông Lâm Văn S trình bày như sau: Ông và bà Nguyễn Thị Diễm Th qua tìm hiểu và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tri Tôn ngày 21/3/2008. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2019 thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, do bà Th thường xuyên đi đêm (vào khoảng 22 đến 23 giờ khuya), khi ông S hỏi thì bà Th nói là đi lấy tiền góp. Nhiều lúc nóng giận ông S có đánh bà Th vài lần nhưng cũng là do thương vợ. Nay bà Th yêu cầu ly hôn, ông S không đồng ý vì còn thương vợ và hai con.

Về con chung: Có hai con chung tên Lâm Thị Th A, sinh ngày 05/5/2005 và Lâm Trung Kh, sinh ngày 04/3/2008. Nếu tòa án xử ly hôn thì tùy theo nguyện vọng của hai con muốn sống với ông S thì ông S nuôi, không yêu cầu bà Th cấp dưỡng nuôi con. Còn sống với bà Th thì bà Th nuôi dưỡng, ông S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng/ con cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: 01 sợ dây chuyền 09 chỉ vàng 18 kara và mặt dây chuyền và số tiền mặt 11.100.000 đồng do ông S đang giữ.

Lắc tay mua giá 70.000.000 đồng; chiếc nhẫn 01 chỉ vàng 24kara; chổ bán rau mua lại từ bà Tuyền (không rõ họ, địa chỉ) giá 70.000.000 đồng (có giấy mua bán tay); tiền gửi ngân hàng 150.000.000 đồng (không rõ ngân hàng nào). Tất cả tài sản trên hiện giờ do bà Th đang quản lý. Nếu Tòa án xử ly hôn, ông S yêu cầu chia đôi tài sản trên.

Về nợ chung: không có.

Tại biên bản lấy lời khai, cháu Lâm Thị Th A khai: Cha mẹ tôi là Lâm Văn S và Nguyễn Thị Diễm Th, nếu cha mẹ ly hôn thì tôi vẫn ở nhà và ra chợ bán rau. Sống với cha hay mẹ do Tòa án quyết định.

Tại biên bản lấy lời khai, cháu Lâm Trung Kh khai: Cha mẹ tôi là Lâm Văn S và Nguyễn Thị Diễm Th, nếu cha mẹ ly hôn thì tôi vẫn ở nhà và ra chợ bán rau. Sống với cha hay mẹ do Tòa án quyết định.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện T T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, vẫn còn một số thiếu sót chưa cấp thông báo nhận đơn cho người khởi kiện, tống đạt thông báo thụ lý trễ hạn.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Xét thấy, Bà Nguyễn Thị Diễm Th và ông Lâm Văn S có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tri Tôn ngày 21/3/2008, nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy về tình cảm giữa bà Th và ông S không còn hạnh phúc, do ông S không phụ giúp về kinh tế, có hành vi đánh đập, dùng lời nói xúc phạm bà Th. Như vậy, thấy rằng cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được, nhận thấy yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lâm Thị Th A, sinh ngày 05/5/2005 và Lâm Trung Kh, sinh ngày 04/3/2008. Hiện đang sống chung với ông S và bà Th. Nhận thấy, hai cháu Th An và Trung Khang hàng ngày bán rau cùng bà Th tại chợ Tri Tôn và hai cháu có nguyện vọng hàng ngày vẫn bán rau ở chợ, bà Th đồng ý nuôi hai con nên đề nghị giao hai con cho bà Th tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Ông S tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi con hàng tháng 1.500.000 đồng, đề nghị ghi nhận.

Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lâm Văn S có yêu cầu chia tài sản chung gồm: 01 sợ dây chuyền 09 chỉ vàng 18 kara và mặt dây chuyền và số tiền mặt 11.100.000 đồng do ông S đang giữ; Lắc tay mua giá 70.000.000 đồng; chiếc nhẫn 01 chỉ vàng 24kara; chổ bán rau mua lại từ bà Tuyền (không rõ họ, địa chỉ) giá 70.000.000 đồng (có giấy mua bán tay); tiền gửi ngân hàng 150.000.000 đồng. Nhưng tại phiên tòa ông S rút toàn bộ yêu cầu xin chia tài sản chung, để vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết

Ngày 16-9-2021 Tòa án nhân dân huyện T T có Thông báo số 76/TB-TA yêu cầu ông Lâm Văn S nộp đơn yêu cầu chia tài sản chung, thông báo đã tống đạt hợp lệ nhưng ông Lâm Văn S không nộp đơn yêu cầu để Tòa án xem xét thụ lý theo quy định của pháp luật, tại phiên tòa ông S không yêu cầu xin chia tài sản chung, để vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết vì vậy không đặt ra xem xét. Ông Lâm Văn S có quyền tự thỏa thuận giải quyết với bà Th, nếu không thỏa thuận được thì ông có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn theo trình tự tố tụng dân sự ở một vụ kiện khác.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn vẫn giữ ý kiến và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm cho Tòa án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Lâm Văn S có đăng ký hộ khẩu và thường trú tại khóm 3, thị trấn Tri Tôn, huyện T T, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện T T thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Diễm Th và ông Lâm Văn S có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn Tri Tôn vào ngày 21/3/2008 đúng theo quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân gia đình, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, trong quá trình chung sống giữa bà Th và ông S nhiều lần xảy ra mâu thuẫn dẫn đến ông S đánh bà Th nhiều lần, việc này ông S cũng thừa nhận. Trong quá trình giải quyết, ngày 24/6/2021 Tòa án tổ chức hòa giải nhưng không thành, bà Th vẫn cương quyết ly hôn, hơn nữa trước đó bà Th đã từng gửi đơn xin ly hôn tại Tòa án và bà Th rút lại đơn để vợ chồng hàn gắn nhưng không thành. Như vậy, đủ cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân giữa bà Th và ông S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Từ đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Diễm Th là có căn cứ.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Lâm Thị Th A, sinh ngày 05/5/2005 và Lâm Trung Kh, sinh ngày 04/3/2008. Hiện đang sống chung với ông S và bà Th, hai cháu Th An và Trung Khang hàng ngày vẫn tiếp bà Th bán rau tại chợ Tri Tôn và hai cháu có nguyện vọng hàng ngày vẫn bán rau ở chợ. Hơn nữa, để đảm bảo điều kiện sinh hoạt, học tập và không làm ảnh hưởng đến đời sống tâm sinh lý của các cháu, cần tiếp tục giao các con chung cho bà Nguyễn Thị Diễm Th tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Bà Nguyễn Thị Diễm Th không yêu cầu, nhưng ông S tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi đứa con hàng tháng là 1.500.000 đồng, nhận thấy sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của ông S không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được công nhận.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Diễm Th không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét

Đối với việc của ông Lâm Văn S yêu cầu chia tài sản chung là 01 sợ dây chuyền 09 chỉ vàng 18 kara và mặt dây chuyền và số tiền mặt 11.100.000 đồng do ông S đang giữ; Lắc tay mua giá 70.000.000 đồng; chiếc nhẫn 01 chỉ vàng 24kara; chổ bán rau mua lại từ bà Tuyền (không rõ họ, địa chỉ) giá 70.000.000 đồng (có giấy mua bán tay); tiền gửi ngân hàng 150.000.000 đồng. Xét thấy,

đây là yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân nên Tòa án đã ra thông báo số 76/TB-TA ngày 16-9-2021 yêu cầu ông Lâm Văn S bổ sung đơn yêu cầu chia tài sản chung và cung cấp chứng cứ, thông báo đã tống đạt hợp lệ cho ông Lâm Văn S, hết thời hạn ông Lâm Văn S vẫn không bổ sung đơn yêu cầu, hơn nữa tại phiên tòa ông rút lại yêu cầu xin chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Ông Lâm Văn S có quyền tự thỏa thuận giải quyết với bà Th, nếu không thỏa thuận được thì ông có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn theo trình tự tố tụng dân sự ở một vụ kiện khác.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: bà Nguyễn Thị Diễm Th khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật, ông Lâm Văn S phải chịu án phí cấp dưỡng không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Diễm Th đối với ông Lâm Văn S. Bà Nguyễn Thị Diễm Th được ly hôn với ông Lâm Văn S.

Giấy chứng nhận kết hôn số 31 ngày 21 tháng 3 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thị trấn Tri Tôn, huyện T T, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Giao con chung tên Lâm Thị Th A, sinh ngày 05/5/2005 và Lâm Trung Kh, sinh ngày 04/3/2008 cho bà Nguyễn Thị Diễm Th tiếp tục nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của Ông Lâm Văn S cấp dưỡng nuôi mỗi đứa con chung hàng tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng). Bắt đầu thực hiện cấp dưỡng từ tháng 02/2022 đến khi các con đủ 18 tuổi.

Bà Nguyễn Thị Diễm Th cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Lâm Văn S quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con.

Về tài sản chung: Không xem xét.

Về nợ chung: không có.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Diễm Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số TU/2020/2853 ngày 12/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T T. Bà Nguyễn Thị Diễm Th đã nộp đủ án phí.

Ông Lâm Văn S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

**** Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND h.Tri Tôn;
- Chi cục THADS h.Tri Tôn;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- UBND TT Tri Tôn;
- Lưu HS & VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đ V H